

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

KẾT QUẢ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo quyết định số 52/QĐ-QT, ngày 25 tháng 12 năm 2019

KHÓA XÉT TỐT NGHIỆP NGÀY 25 THÁNG 12 NĂM 2019

STT	NGÀNH	MSHS	HỌ VÀ TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TK (HỆ 4)	XẾP LOẠI TK	SỐ TC THI LẠI	ĐIỂM RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ MÔN KHÔNG ĐẠT	KẾT QUẢ XÉT TỐT NGHIỆP	LỚP	KHÓA
1	Điều dưỡng	17DD00102	Lê Thị Kim Dung	Nữ	30/3/1996	Tp.HCM	2.00	Trung bình	5	60	TB Khá	5	Chưa công nhận tốt nghiệp	DD10A1	2017-2019
2	Điều dưỡng	17DD00104	Nguyễn Thụy Kim Như	Nữ	19/11/1998	Tp.HCM	1.74	Yếu	2	60	TB Khá	10	Chưa công nhận tốt nghiệp	DD10A1	2017-2019
3	Điều dưỡng	17DD00107	Phạm Thị Thùy Trang	Nữ	18/9/1989	Tiền Giang	2.09	Trung bình	1	60	TB Khá	7	Chưa công nhận tốt nghiệp	DD10A1	2017-2019
4	Điều dưỡng	17DD00186	Nguyễn Thị Dung	Nữ	16/3/1993	Hà Tây	3.30	Khá	1	85	Tốt	0	Công nhận tốt nghiệp	DD10VBB1	2017-2019
5	Điều dưỡng	17DD00187	Ngô Mộng Kha	Nữ	11/6/1993	Cà Mau	3.48	Giỏi	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	DD10VBB1	2017-2019
6	Điều dưỡng	16DD00295	Nguyễn Thị Nhật Lệ	Nữ	03/04/2000	TP.HCM	2.07	Trung bình	4	60	TB Khá	4	Chưa công nhận tốt nghiệp	DD9F1	2016-2019
7	Điều dưỡng	16DS00166	Huỳnh Yến Nhi	Nữ	20/10/1996	Bạc Liêu	1.47	Yếu	0	60	TB Khá	12	Chưa công nhận tốt nghiệp	DD9F1	2016-2019
8	Điều dưỡng	16DD00351	Phạm Thị Lan Nhi	Nữ	02/10/2001	TP.HCM	1.33	Yếu	4	60	TB Khá	12	Chưa công nhận tốt nghiệp	DD9F1	2016-2019
9	Dược	18DS00001	Trần Nguyễn Duy An	Nữ	11/01/1999	Tp.HCM	2.09	Trung bình		60	TB Khá	0	Công nhận tốt nghiệp	D11B1	2018-2020
10	Dược	18DS00061	Đặng Minh Phụng	Nam	20/3/2000	Đồng Tháp	2.23	Trung bình		60	TB Khá	0	Công nhận tốt nghiệp	D11B1	2018-2020
11	Dược	18DS00004	Trần Phúc Hậu	Nam	14/5/1998	Tiền Giang	1.40	Yếu	6	60	TB Khá	8	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11B1	2018-2020
12	Dược	18DS00023	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	03/11/1987	Tiền Giang	2.26	Trung bình	9	60	TB Khá	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11B1	2018-2020
13	Dược	18DS00008	Lâm Thị Kim Ngân	Nữ	13/7/1996	Vĩnh Long	1.98	Yếu	4	60	TB Khá	3	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11B1	2018-2020
14	Dược	18DS00009	Chung Thanh Nhân	Nam	08/7/1995	Tp.HCM	1.02	Yếu	3	60	TB Khá	12	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11B1	2018-2020
15	Dược	18DS00022	Nguyễn Duy Tân	Nam	01/11/2000	Bến Tre	2.09	Trung bình	6	60	TB Khá	2	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11B1	2018-2020
16	Dược	18DS00039	Hồ Ngọc Thúy Ái	Nữ	28/6/1969	An Giang	2.86	Khá	1	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
17	Dược	18DS00056	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	28/6/2000	Trà Vinh	2.44	Trung bình	9	80	Tốt	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
18	Dược	18DS00077	Phan Thị Lan Anh	Nữ	17/4/2000	Nghệ An	2.09	Trung bình	3	80	Tốt	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
19	Dược	18DS00117	La Thành Công	Nam	26/12/1991	Tp.HCM	0.05	Yếu	0	75	Khá	23	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
20	Dược	18DS00090	Trần Thanh Dân	Nam	08/10/1996	Bến Tre	0.58	Yếu	3	75	Khá	17	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
21	Dược	18DS00078	Trần Thị Ngọc Đang	Nữ	03/11/2003	Bến Tre	2.07	Trung bình	6	80	Tốt	2	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
22	Dược	18DS00064	Tô Thị Huyền Đức	Nữ	18/9/2000	Long An	3.21	Giỏi	0	95	Xuất Sắc	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
23	Dược	18DS00068	Trương Thế Đũng	Nam	03/9/1967	Tiền Giang	2.40	Trung bình	6	80	Tốt	3	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
24	Dược	18DS00079	Lê Mai Duyên	Nữ	08/5/1999	BRVT	2.56	Khá	1	85	Tốt	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
25	Dược	18DS00040	Nguyễn Thị Bé Hai	Nữ	21/01/1979	Long An	2.84	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
26	Dược	16DS00251	Nguyễn Phạm Minh Khoa	Nam	14/3/2000	TP.HCM	0.14	Yếu	0	50	Trung bình	22	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020

STT	NGÀNH	MSHS	HỌ VÀ TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TK (HỆ 4)	XẾP LOẠI TK	SỐ TC THI LẠI	ĐIỂM RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ MÔN KHÔNG ĐẠT	KẾT QUẢ XÉT TỐT NGHIỆP	LỚP	KHÓA
27	Dược	18DS00115	Phạm Ngọc Khỏe	Nam	12/02/1992	Quảng Ngãi	1.74	Yếu	6	50	Trung bình	3	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
28	Dược	18DS00108	Huỳnh Thanh Kiểu	Nữ	30/10/1979	Vĩnh Long	0.14	Yếu	0	50	Trung bình	23	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
29	Dược	18DS00073	Trần Duy Linh	Nam	08/5/1996	Cần Thơ	0.00	Yếu	0	50	Trung bình	24	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
30	Dược	18DS00080	Huỳnh Đình Lộc	Nam	07/01/2000	Tây Ninh	2.19	Trung bình	4	85	Tốt	2	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
31	Dược	18DS00057	Lý Thị Trúc Ly	Nữ	16/6/1994	An Giang	1.95	Yếu	0	50	Trung bình	9	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
32	Dược	18DS00089	Trần Thị Trà My	Nữ	30/10/1996	Long An	2.58	Khá	2	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
33	Dược	18DS00041	Nguyễn Trọng Nguyễn	Nam	29/9/1993	Lâm Đồng	0.00	Yếu	0	0	Kém	24	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
34	Dược	18DS00081	Phan Thị Nguyệt	Nữ	20/9/2000	Nghệ An	2.40	Trung bình	2	80	Tốt	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
35	Dược	18DS00106	Huỳnh Di Nhu	Nữ	17/8/2000	Đài Loan	2.58	Khá	2	85	Tốt	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
36	Dược	18DS00042	Vô Uyên Phụng	Nữ	21/7/2003	Kiên Giang	0.23	Yếu	0	0	Kém	21	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
37	Dược	18DS00043	Dương Thị Tú Sương	Nữ	15/10/2000	Tiền Giang	3.12	Khá	0	95	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
38	Dược	18DS00116	Huỳnh Trần Duy Tân	Nam	08/02/1994	Đồng Tháp	2.07	Trung bình	0	80	Tốt	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
39	Dược	18DS00091	Trần Hữu Thành	Nam	22/5/2000	Trà Vinh	0.21	Yếu	0	0	Kém	22	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
40	Dược	18DS00044	Trần Anh Thư	Nữ	03/12/2000	Tiền Giang	2.95	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
41	Dược	18DS00045	Bùi Nhật Thủy	Nữ	29/7/1985	Tp.HCM	2.81	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
42	Dược	18DS00046	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	06/02/1972	Sài Gòn	2.95	Khá	0	85	Tốt	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
43	Dược	18DS00047	Nguyễn Thị Trang	Nữ	10/02/1997	Nghệ An	2.16	Trung bình	3	80	Tốt	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
44	Dược	18DS00058	Phan Khắc Trung	Nam	05/9/1999	Đồng Nai	0.58	Yếu	3	0	Kém	18	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
45	Dược	18DS00048	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	07/5/1999	Đồng Tháp	2.81	Khá	0	85	Tốt	3	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
46	Dược	18DS00098	Bùi Thị Kim Vân	Nữ	12/9/1977	Đồng Tháp	2.98	Khá	0	95	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
47	Dược	18DS00082	Lê Hữu Vinh	Nam	29/10/2000	Tp.HCM	0.28	Yếu	0	0	Kém	22	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11E1	2018-2020
48	Dược	18DS00034	Ngô Thị Nụ	Nữ	30/10/1990	Lâm Đồng	1.87	Yếu	0	60	TB Khá	6	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11VBB1	2018-2020
49	Dược	18DS00065	Trần Đình Phùng	Nam	10/7/1965	Thừa Thiên - Huế	0.15	Yếu	0	0	Kém	19	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11VBE1	2018-2020
50	Dược	14DU00890	Đặng Ngọc Đuẩn	Nam	20/12/1974	Thái Bình	0.18	Yếu	0	0	Kém	18	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11VBE1-15	2018-2020
51	Dược	18DS00083	Hoàng Thị Hào	Nữ	10/10/1990	Lạng Sơn	2.79	Khá	0	95	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	D11VBE1-15	2018-2020
52	Dược	18DS00109	Nguyễn Tiến Nghĩa	Nam	27/02/1994	Tp.HCM	0.00	Yếu	0	0	Kém	24	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11VBE1-15	2018-2020
53	Dược	18DS00049	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	20/11/1983	Tiền Giang	0.00	Yếu	0	0	Kém	20	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11VBE1-15	2018-2020
54	Dược	18DS00050	Phan Thị Xuân Nữ	Nữ	01/02/1991	Quảng Ngãi	3.42	Giỏi	0	95	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	D11VBE1-15	2018-2020
55	Dược	18DS00016	Nguyễn Hồng Phát	Nam	25/12/1994	Tây Ninh	0.29	Yếu	1	0	Kém	15	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11VBE1-15	2018-2020
56	Dược	18DS00060	Lê Văn Minh Tâm	Nam	01/01/1985	Hậu Giang	2.61	Khá	3	85	Tốt	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11VBE1-15	2018-2020
57	Dược	18DS00051	Nguyễn Thị Kim Thủy	Nữ	02/9/1984	Bình Thuận	3.35	Khá	3	85	Tốt	0	Công nhận tốt nghiệp	D11VBE1-15	2018-2020
58	Dược	18DS00052	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	03/9/1967	Hưng Yên	2.88	Khá	0	85	Tốt	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11VBE1-15	2018-2020

STT	NGÀNH	MSHS	HỌ VÀ TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TK (HỆ 4)	XẾP LOẠI TK	SỐ TC THI LẠI	ĐIỂM RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ MÔN KHÔNG ĐẠT	KẾT QUẢ XÉT TỐT NGHIỆP	LỚP	KHÓA
59	Dược	18DS00069	Huỳnh Thị Thùy Trang	Nữ	14/4/1994	Tp.HCM	0.07	Yếu	0	0	Kém	23	Chưa công nhận tốt nghiệp	D11VBE1-15	2018-2020
60	Y sỹ	17YS00198	Nguyễn Lê Phương Hà	Nữ	27/10/1984	Ninh Thuận	3.07	Khá	0	82	Tốt	2	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y10VBE2	2017-2019
61	Y sỹ	17YS00122	Bùi Văn Tinh	Nam	24/10/1991	Thái Bình	0.00	Yếu	0	0	Kém	25	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y10VBE2	2017-2019
62	Y sỹ	17YS00183	Lê Thị Thùy Trang	Nữ	14/10/1990	Long An	1.00	Yếu	3	54	Trung bình	13	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y10VBE2	2017-2019
63	Y sỹ	17YS00123	Bùi Văn Nam	Nam	30/10/1999	Thái Bình	2.50	Khá	5	80	Tốt	0	Công nhận tốt nghiệp	Y10VBE2-15	2017-2019
64	Y sỹ	18YS00070	Đặng Nguyễn Thảo Bình	Nữ	29/10/2000	Kiên Giang	2.58	Khá	1	85	Tốt	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
65	Y sỹ	18YS00112	Trần Văn Đàn	Nam	10/3/1998	Ninh Bình	2.47	Trung bình	1	80	Tốt	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
66	Y sỹ	18YS00110	Lê Đình Hải	Nam	20/4/1998	Nghệ An	2.30	Trung bình	1	80	Tốt	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
67	Y sỹ	18YS00113	Hà Thanh Huệ	Nữ	16/12/1997	Tp.HCM	2.58	Khá	1	80	Tốt	5	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
68	Y sỹ	18YS00084	Lê Quốc Khải	Nam	12/10/1999	Long An	2.07	Trung bình	2	80	Tốt	5	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
69	Y sỹ	18YS00066	Lào Mỹ Kim	Nữ	13/01/1998	Tp.HCM	1.26	Yếu	2	0	Kém	13	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
70	Y sỹ	18YS00024	Trương Thị Bích Liễu	Nữ	02/02/1996	Bình Định	2.74	Khá	1	80	Tốt	2	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
71	Y sỹ	18YS00085	Nguyễn Văn Lực	Nam	16/7/1998	Long An	2.00	Trung bình	3	80	Tốt	9	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
72	Y sỹ	18YS00025	Hoàng Trọng Minh	Nam	15/12/1999	Tp.HCM	1.86	Yếu	0	80	Tốt	9	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
73	Y sỹ	18YS00074	Đỗ Anh Thảo	Nam	17/4/2000	Quảng Ngãi	2.63	Khá	1	85	Tốt	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
74	Y sỹ	18YS00075	Phạm Đức Thịnh	Nam	26/6/1997	Yên Bái	2.07	Trung bình	1	70	Khá	5	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
75	Y sỹ	18YS00053	Bùi Thị Thương	Nữ	22/02/2000	Thái Bình	2.86	Khá	1	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
76	Y sỹ	18YS00026	Đoàn Thị Kim Thùy	Nữ	03/10/1994	Bến Tre	2.74	Khá	1	85	Tốt	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
77	Y sỹ	18YS00055	Hồ Á Tiên	Nữ	02/8/2000	Gia Lai	2.51	Khá	1	70	Khá	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
78	Y sỹ	18YS00036	Đoàn Thị Thanh Trúc	Nữ	04/5/2000	Bến Tre	2.95	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
79	Y sỹ	18YS00038	Quách Thị Trúc	Nữ	27/01/2000	Bến Tre	2.86	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
80	Y sỹ	17YS00025	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	17/11/1998	Đồng Nai	3.07	Khá	0	85	Tốt	1	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
81	Y sỹ	18YS00063	Bùi Nguyễn Anh Tuấn	Nam	12/11/2000	BRVT	2.37	Trung bình	2	70	Khá	4	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
82	Y sỹ	18YS00067	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	23/12/2000	Bình Định	2.74	Khá	0	85	Tốt	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
83	Y sỹ	18YS00071	Lê Thị Tuyết	Nữ	09/01/2000	Thanh Hóa	0.12	Yếu	1	0	Kém	30	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11A1	2018-2020
84	Y sỹ	18YS00086	Hồ Thị Ngọc Duyên	Nữ	09/8/1993	Tp.HCM	1.24	Yếu	1	0	Kém	12	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
85	Y sỹ	18YS00087	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	17/8/1990	Long An	3.36	Giỏi	0	95	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
86	Y sỹ	18YS00035	Triệu Thượng Kiều	Nam	14/4/1977	An Giang	3.10	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
87	Y sỹ	18YS00027	Võ Thị Trúc Linh	Nữ	28/5/1983	Tây Ninh	3.11	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
88	Y sỹ	18YS00037	Lê Phú Nhân	Nam	22/8/1996	Tiền Giang	1.76	Yếu	0	0	Kém	10	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
89	Y sỹ	18YS00028	Trương Minh Nhật	Nam	22/02/1990	Long An	2.86	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
90	Y sỹ	18YS00029	Hồ Thị Trúc Phương	Nữ	11/6/1990	Long An	3.14	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020

STT	NGÀNH	MSHS	HỌ VÀ TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TK (HỆ 4)	XẾP LOẠI TK	SỐ TC THI LẠI	ĐIỂM RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ MÔN KHÔNG ĐẠT	KẾT QUẢ XÉT TỐT NGHIỆP	LỚP	KHÓA
91	Y sỹ	18YS00111	Lư Thị Mai Phương	Nữ	16/12/1974	Tp.HCM	0.55	Yếu	0	0	Kém	18	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
92	Y sỹ	18YS00030	Nguyễn Huỳnh Thanh Thảo	Nữ	24/02/1990	Long An	3.28	Giỏi	0	95	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
93	Y sỹ	18YS00088	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Nữ	06/3/1990	Long An	3.19	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
94	Y sỹ	18YS00031	Trần Thị Thanh Thư	Nữ	01/02/1981	Long An	3.06	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
95	Y sỹ	18YS00054	Bùi Thị Thủy	Nữ	19/01/2000	Thái Bình	2.80	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1	2018-2020
96	Y sỹ	18YS00032	Hoàng Bích Trâm	Nữ	12/12/1991	Tp.HCM	2.06	Trung bình	0	75	Khá	5	Chưa công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1-15	2018-2020
97	Y sỹ	18YS00062	Trần Thị Mai Trình	Nữ	12/4/1990	Đồng Tháp	3.51	Giỏi	0	95	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1-15	2018-2020
98	Y sỹ	18YS00033	Huỳnh Minh Tuấn	Nam	09/9/1995	Tp.HCM	3.03	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1-15	2018-2020
99	Y sỹ	18YS00072	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Nữ	21/12/1983	Tp.HCM	2.97	Khá	0	90	Xuất Sắc	0	Công nhận tốt nghiệp	Y11VBE1-15	2018-2020

Tổng danh sách 99 học sinh

Xếp loại TN	Số lượng
Xuất sắc	0
Giỏi	6
Khá	38
TB Khá	0
Trung bình	22
Tổng	66

Ngành Dược	Công nhận tốt nghiệp	16
Ngành Dược	Chưa công nhận tốt nghiệp	35
Ngành Y sỹ	Công nhận tốt nghiệp	19
Ngành Y sỹ	Chưa công nhận tốt nghiệp	21
Ngành Điều dưỡng	Công nhận tốt nghiệp	2
Ngành Điều dưỡng	Chưa công nhận tốt nghiệp	6
	Tổng	99

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(đã ký)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(đã ký)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2019
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP
(đã ký)